

B N G I I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O THÔNG T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CSTT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
1	ñ i u 1. Ph m vi Li u ch nh và E i t ng áp d ng 1. Ph m vi Li u ch nh: Quy ch này qui E nh v vi c th c hi n nghi p v bao thanh toán c a các t ch c tín d ng E i v i khách hàng nh m Ea d ng hoá ho t E ng tín d ng, b sung v n l u E ng cho khách hàng, thúc E y ho t E ng th ng m i trong n c và qu c t .	ñ i u 1. Ph m vi Li u ch nh 1. Thông t này quy E nh v ho t E ng bao thanh toán c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài E i v i khách hàng. 2. Vi c t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài tham gia ho t E ng bao thanh toán v i E n v bao thanh toán n c ngoài và không ng t i n E c th c hi n theo th a thu n c a các bên phù h p v i quy E nh c a pháp lu t và t p quán th ng m i qu c t do Phòng th ng m i qu c t ban hành, t p quán th ng m i khác không trái v i pháp lu t c a Vi t Nam.	B sung Kho n 2 vì khi TCTD, chi nhánh NHNNg tham gia vào quy trình bao thanh toán qu c t có ngu n g c t n c ngoài thông qua vi c cung c p m t/m t s d ch v (theo dõi kho n ph i thu, thu h i n , E m b o r i ro tín d ng) nh ng <u>không ng t i n</u> thì vi c cung c p nh ng d ch v Ló không ph i tuân theo s Li u ch nh c a Thông t v ho t E ng bao thanh toán mà chu s Li u ch nh c a các quy E nh liên quan E i v i nh ng ho t E ng này.
2	2.ñ i t ng áp d ng: 2.1. T ch c tín d ng th c hi n nghi p v bao thanh toán, g m: a. T ch c tín d ng thành l p và ho t E ng theo Lu t các T ch c tín d ng: - Ngân hàng th ng m i nhà n c; - Ngân hàng th ng m i c ph n; - Ngân hàng liên doanh; - Ngân hàng 100% v n n c ngoài; - Công ty tài chính; - Công ty cho thuê tài chính. b. Ngân hàng n c ngoài E c m chi nhánh t i Vi t Nam theo Lu t T ch c tín d ng. 2.2. Khách hàng E c t ch c tín d ng bao thanh toán là các t ch c kinh t Vi t Nam và n c ngoài bán hàng hoá, cung ng d ch v (sau Lây vi t t t là bên bán hàng) và E c th h ng các kho n ph i thu phát sinh t vi c bán hàng hoá, cung ng d ch v theo tho thu n gi a bên	ñ i u 2.ñ i t ng áp d ng 1. T ch c tín d ng bao g m ngân hàng th ng m i, công ty tài chính t ng h p và công ty tài chính bao thanh toán. 2. Chi nhánh ngân hàng n c ngoài. 3. Khách hàng c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài. 4. T ch c, cá nhân khác liên quan E n ho t E ng bao thanh toán c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.	Lý do: - Kho n 7 ñ i u 112 Lu t TCTD quy E nh Công ty cho thuê tài chính E c "Th c hi n hình th c c p tín d ng khác khi E c Ngân hàng Nhà n c ch p thu n". - Nñ 39/2014/Nñ -CP có quy E nh v ho t E ng BTT E i v i công ty tài chính nh ng không quy E nh ho t E ng BTT E i v i Công ty CTTC. Kho n 1 ñ i u 16 Nñ 39/2014/Nñ -CP quy E nh "Công ty cho thuê tài chính E c th c hi n các ho t E ng quy E nh t ñ i u 112 E n ñ i u 116 Lu t Các t ch c tín d ng và quy E nh t i Ngh E nh

B N G I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O THÔNG T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CS TT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
	bán hàng và bên mua hàng hoá, s đ ng d ch v (sau Đây vì t t t là bên mua hàng) t i h p E ng mua bán hàng hoá, cung ng d ch v . ñ i v i Công ty cho thuê tài chính, ch E c th c hi n bao thanh toán E i v i khách hàng là bên thuê c a Công ty cho thuê tài chính.		này". -> ñ xu t: b lo i hình Công ty cho thuê tài chính ra kh i E i t ng áp d ng Thông t bao thanh toán vì Đây là ho t E ng có tính ch t E c thù.
3	ñ i u 2. Khái ni m Bao thanh toán là m t hình th c c p t n d ng c a t ch c t n d ng cho Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v thông qua vi c mua l i các kho n ph i thu phát sinh t vi c mua, bán hàng hoá Lã E c Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v và Bên mua hàng hoá, s đ ng d ch v tho thu n trong H p E ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v .	ñ i u 3. Gi i thích t ng Trong Thông t này, các t ng d i Đây E c hi u nh sau: 1. <i>Bao thanh toán</i> là hình th c c p t n d ng cho bên bán hàng ho c bên mua hàng thông qua vi c mua l i có b o l u quy n truy Lòi các kho n ph i thu ho c các kho n ph i tr phát sinh t vi c mua, bán hàng hoá, cung ng d ch v theo h p E ng mua, bán hàng hoá, cung ng d ch v .	Nh c l i khái ni m BTT quy E nh t i kho n 17 ñ i u 4 Lu t các TCTD t i ñ i u 3 Gi i thích t ng c a D th o Thông t vì Đây là m t khái ni m quan tr ng, xuyên su t trong toàn b vñ b n.
4	ñ i u 3. Nguyên t c th c hi n bao thanh toán: Ho t E ng bao thanh toán ph i E m b o các nguyên t c sau: 1. ñ m b o an toàn trong ho t E ng c a t ch c t n d ng E c th c hi n bao thanh toán và phù h p v i qui E nh c a pháp lu t Vi t Nam; 2. ñ m b o các quy n, nghñ v và l i ích h p pháp c a các bên tham gia vào h p E ng bao thanh toán và các bên có liên quan E n kho n ph i thu; 3. Kho n ph i thu E c bao thanh toán ph i có ngu n g c t các H p E ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v , cung ng d ch v phù h p v i qui E nh c a pháp lu t liên quan.	ñ xu t b .	- Kho n 1, 2 c a ñ i u 3 có n i dung chung chung, do v y không th c s c n thi t. - T i t a kho n 2 ñ i u 4 D th o Thông t Lã quy E nh rõ E n v bao thanh toán không E c bao thanh toán E i v i kho n ph i thu, kho n ph i tr phát sinh t h p E ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v b pháp lu t c m ho c Lang có tranh ch p, do v y quy E nh t i kho n 3 ñ i u 3 là không c n thi t.
5	ñ i u 4. Gi i thích t ng Trong Quy ch này, các t ng d i Đây E c hi u nh sau: 1. ñ n v bao thanh toán: là t ch c t n d ng quy E nh t i E i m 2.1 kho n 2, ñ i u 1 c a Quy ch này. 2. Bao thanh toán trong n c: là vi c bao thanh toán d a	ñ i u 3. Gi i thích t ng Trong Thông t này, các t ng d i Đây E c hi u nh sau Đây: 1. <i>Bao thanh toán</i> là hình th c c p t n d ng cho bên bán hàng ho c bên mua hàng thông qua vi c mua l i có b o l u quy n truy Lòi các kho n ph i thu ho c các kho n ph i tr phát sinh	S a E i các khái ni m E phù h p v i quy E nh c a Lu t các t ch c t n d ng.

B N G I TRÌNH NH NG THAY ấ I TRONG D TH O THÔNG T

STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công v ấ s 676/NHNN-CS TT)	ấ xu t s a, b sung	Lý do
	trên H p E ng mua bán hàng hoá, cung ng d ch v , trong Ló Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v và Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v là ng i c trú theo quy E nh c a pháp lu t v qu n lý ngo i h i. 3. Bao thanh toán xu t-nh p kh u: là vi c bao thanh toán d a trên h p E ng xu t- nh p kh u. 4. ấ n v bao thanh toán xu t kh u: là E n v th c hi n bao thanh toán cho Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v là bên xu t kh u trong h p E ng xu t-nh p kh u. 5. ấ n v bao thanh toán nh p kh u: là E n v E c phép ho t E ng bao thanh toán tham gia vào qui trình bao thanh toán xu t-nh p kh u. 6. Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v : là t ch c E c nh n hàng hoá t Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v và có ngh ấ v thanh toán các kho n ph i thu quy E nh t i H p E ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v . 7. H p E ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v : là tho thu n b ng v ấ b n gi a Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v và Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v v vi c mua, bán hàng hoá theo quy E nh c a pháp lu t, trong Ló Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v ch a E n h n ph i th c hi n ngh ấ v thanh toán. 8. Ch ng t mua bán hàng hoá, cung ng d ch v : là các ch ng t liên quan E n vi c giao hàng và vi c yêu c u thanh toán c a Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v E i v i Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v trên c s H p E ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v , cung ng d ch v . 9. S d bao thanh toán: là s ti n mà E n v bao thanh toán ng tr c cho Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v theo tho thu n t i h p E ng bao thanh toán. 10. Kho n ph i thu: là kho n ti n Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v ph i thu t Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v theo H p E ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v ,	t vi c mua, bán hàng hoá, cung ng d ch v theo h p E ng mua, bán hàng hoá, cung ng d ch v . 2. ấ n v bao thanh toán là t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài E c Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam (sau Lây g i là Ngân hàng Nhà n c) c p Gi y phép thành l p và ho t E ng, trong Ló có n i dung v ho t E ng bao thanh toán. 3. Khách hàng c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài (sau Lây g i t t là khách hàng) là t ch c kinh t E c bao thanh toán, bao g m bên bán hàng ho c bên mua hàng. 4. Bên bán hàng (bao g m c bên xu t kh u) là t ch c kinh t bán hàng hóa, cung ng d ch v và có quy n l i h p pháp E i v i các kho n ph i thu theo th a thu n t i h p E ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v . 5. Bên mua hàng (bao g m c bên nh p kh u) là t ch c kinh t mua hàng hóa, s d ng d ch v và có ngh ấ v E i v i các kho n ph i tr theo th a thu n t i h p E ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v . 6. H p E ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v là v ấ b n tho thu n gi a bên bán hàng và bên mua hàng v vi c mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v theo quy E nh c a pháp lu t. 7. H p E ng bao thanh toán là v ấ b n th a thu n gi a E n v bao thanh toán và khách hàng nh m xác l p, thay E i ho c ch m d t quy n và ngh ấ v c a các bên v vi c bao thanh toán. 8. B o l u quy n truy Lòi là vi c E n v bao thanh toán có quy n Lòi l i s ti n Lã ng cho khách hàng và lãi, phí bao thanh toán khi bên mua hàng không hoàn thành ngh ấ v thanh toán khi E n h n thanh toán theo th a thu n t i h p E ng bao thanh toán. Tr ng h p bao thanh toán bên bán hàng trong n c ho c bao thanh toán bên xu t kh u, E n v bao thanh toán th c hi n truy Lòi bên bán hàng khi bên mua hàng không tr E c n . Tr ng h p bao thanh toán bên mua hàng trong n c và bao thanh toán bên nh p kh u, E n v bao	- B c m t "trong Ló bên mua hàng ch a E n h n ph i th c hi n ngh ấ v thanh toán" tại khoản 7 ấ i u 4 Quy t E nh s 1096 vì Lây là quy E nh có tính th i Li m, trong khi h p E ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v dù h t h n v n là h p E ng mua bán hóa, cung ng d ch v . - B sung khái ni m ób o l u quy n truy Lòi ô E gi i thích rõ h n khái ni m này nêu t i kho n 17 ấ i u 4 Lu t các t ch c tín d ng 2010.

B N G I TRÌNH NH NG THAY Ẻ I TRONG D TH O THÔNG T

STT	Quy Ẻ nh hi n hành (Quy t Ẻ nh 1096/2004/Q Ẻ - NHNN, Q Ẻ 30/2008/Q Ẻ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công v Ẻ n s 676/NHNN-CS TT)	Ẻ xu t s a, b sung	Lý do
	cung ng d ch v . 11. H n m c bao thanh toán: là t ng s d t i Ẻ a c a các kho n ph i thu Ẻ c bao thanh toán trong m t kho ng th i gian nh t Ẻ nh theo tho thu n c a Ẻ n v bao thanh toán và Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v trong h p Ẻ ng bao thanh toán.	thanh toán th c hi n truy Lỗi bên mua hàng. 9. <i>Ch ng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v</i> là các ch ng t liên quan Ẻ n vi c giao hàng, cung ng d ch v và vi c yêu c u thanh toán c a bên bán hàng Ẻ i v i bên mua hàng trên c s h p Ẻ ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v . 10. <i>Kho n ph i thu</i> là s t i n mà bên bán hàng có quy n nh n Ẻ c t bên mua hàng theo th a thu n t i h p Ẻ ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v . 11. <i>Kho n ph i tr</i> là s t i n mà bên mua hàng có ngh Ẻ v tr cho bên bán hàng theo th a thu n t i h p Ẻ ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v . 12. <i>Th i h n bao thanh toán</i> là kho ng th i gian tính t ngày t i p theo li n k ngày Ẻ n v bao thanh toán b t Ẻ u ng t i n cho Ẻ n ngày khách hàng ph i thanh toán toàn b s t i n theo quy Ẻ nh t i h p Ẻ ng bao thanh toán. 13. <i>D n g c quá h n th c t</i> là s t i n L Ẻ ng mà khách hàng không tr Ẻ c Lúng h n theo th a thu n v i Ẻ n v bao thanh toán và không Ẻ c Ẻ n v bao thanh toán ch p thu n c c u l i th i h n bao thanh toán. 14. <i>Ng i c trú, ng i không c trú</i> Ẻ c xác Ẻ nh theo quy Ẻ nh c a pháp lu t v qu n lý ngo i h i.	
6	Ẻ i u 19. Các kho n ph i thu không Ẻ c bao thanh toán Nh ng kho n ph i thu sau L Ẻ y không Ẻ c th c hi n bao thanh toán: 1. Phát sinh t H p Ẻ ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v hoá b pháp lu t c m; 2. Phát sinh t các giao d ch, tho thu n b t h p pháp; 3. Phát sinh t các giao d ch, tho thu n Ẻ ang có tranh ch p; 4. Phát sinh t các h p Ẻ ng bán hàng d i hình th c ký g i; 5. Phát sinh t H p Ẻ ng mua bán hàng hóa, cung ng	Ẻ i u 4. Tr ng h p không Ẻ c bao thanh toán, h n ch bao thanh toán và th c hi n gi i h n bao thanh toán 1. Ẻ n v bao thanh toán th c hi n bao thanh toán ph i tuân th các quy Ẻ nh t i Ẻ i u 126, Ẻ i u 127, Ẻ i u 128 Lu t Các t ch c tín d ng và h ng d n c a Ngân hàng Nhà n c v tr ng h p không Ẻ c c p tín d ng, h n ch c p tín d ng, gi i h n c p tín d ng. 2. Ẻ n v bao thanh toán không Ẻ c bao thanh toán Ẻ i v i kho n ph i thu, kho n ph i tr sau L Ẻ y: a) Phát sinh t h p Ẻ ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v b pháp lu t c m ho c Ẻ ang có tranh ch p; b) Phát sinh t h p Ẻ ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch	- CN c vào Ẻ i u 126, Ẻ i u 127 và 128 Lu t các t ch c tín d ng. - D th o Thông t b kho n 4 Ẻ i u 19 Quy t Ẻ nh 1096 vì: Theo gi i thích c m t ó bao

B N G I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O THÔNG T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CSTT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
	đ ch v có th ì h n thanh toán còn l ì dài h n 180 ngày; 6. Các kho n ph ì thu Lã E c gán n ho c c m c , th ch p; 7. Các kho n ph ì thu Lã quá h n thanh toán theo H p E ng mua bán hàng hóa, cung ng đ ch v ; 8. Các kho n ph ì thu phát sinh t h p E ng cung ng đ ch v trong lñh v c xây d ng; lñh v c tài chính, ngân hàng theo ph ì c Lính kèm; 9. H p E ng mua bán hàng hoá và cung ng đ ch v có tho thu n không E c chuy n giao quy n và nghñ v trong h p E ng.	v có th ì h n thanh toán còn l ì dài h n 180 ngày; c) Phát sinh t h p E ng mua, bán hàng hoá và cung ng đ ch v có tho thu n không E c chuy n giao quy n và nghñ v trong h p E ng; d) Phát sinh t h p E ng cung ng đ ch v trong lñh v c tài chính, ngân hàng theo quy E nh c a Th t ng Chính ph v H th ng ngành kinh t c a Vi t Nam; E) ñ ã E c bao thanh toán ho c Lã E c s d ng E E m b o cho nghñ v n khác; e) ñ ã quá h n thanh toán theo h p E ng mua, bán hàng hóa, cung ng đ ch v .	thanh toán ô t ì Lu t các t ch c tín d ng, bao thanh toán là hình th c c p tín d ng, E c th c hi n trên c s là các h p E ng mua, bán hàng hóa, cung ng đ ch v gi a bên bán hàng, bên mua hàng. Tuy nhiên, h p E ng ký g ì không ph ì h p E ng mua, bán hàng hóa, cung ng đ ch v . Do đó, kho n ph ì thu, kho n ph ì tr phát sinh t h p E ng ký g ì hàng hóa không ph ì E ì t ng c a D th o Thông t này.
7		ñ i u 5. Quy E nh n ì b v ho t E ng bao thanh toán 1. ñ n v bao thanh toán ph ì ban hành quy E nh n ì b v ho t E ng bao thanh toán phù h p v ì quy E nh t ì Thông t này và các quy E nh pháp lu t có liên quan. 2. Quy E nh n ì b v ho t E ng bao thanh toán E c th c hi n th ng nh t trong toàn h th ng c a E n v bao thanh toán và ph ì bao g m t ì thi u các n ì dung sau Đây: a) Các quy E nh v nh n ì n r ì ro, Lo l ñ r ì ro, ki m soát và x lý r ì ro; các h n ch , gi ì h n b o E m an toàn ho t E ng bao thanh toán; nguyên t c nh n bi t khách hàng E E m b o ngñ ng a vì c E n v bao thanh toán b l m d ng cho các m c Lích r a t ì n, tài tr kh ng b và t ì ph m khác; tr ng h p không E c bao thanh toán, h n ch bao thanh toán và th c hi n gi ì h n bao thanh toán; ph ng th c bao thanh toán; lãi su t, phí bao thanh toán và ph ng pháp tính lãi bao thanh toán; thu n , c c u l ì th ì h n tr n , chuy n n quá h n; b) Các bi n pháp qu n lý r ì ro trong tr ng h p không thông báo v h p E ng bao thanh toán cho bên liên quan; có thông báo nh ng bên liên quan không có vñ b n cam k t th c hi n	B sung ñ i u quy E nh n ì b v ho t E ng bao thanh toán nh m tñg tính an toàn c a các t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài khi th c hi n ho t E ng bao thanh toán và E m b o phù h p v ì quy E nh hi n hành t ì ñ i u 93 Lu t các t ch c tín d ng.

B N G I I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O THÔNG T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CS TT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
		theo h ng d n t i vñ b n thông báo; không s d ng b n g c h p E ng, ch ng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ; c) H ng d n v trình t , th t c, h s bao thanh toán và các tài li u c a khách hàng g i E n v bao thanh toán; quy trình th m E nh, phê duy t, quy t E nh bao thanh toán, ki m tra, giám sát quá trình bao thanh toán và tr n khách hàng; phân c p, y quy n, ch c nñg, nhi m v , trách nhi m c a t ng cá nhân, b ph n trong vi c th m E nh, phê duy t, quy t E nh bao thanh toán, ki m tra, giám sát quá trình bao thanh toán và tr n khách hàng; d) Bi n pháp b o L m, th m E nh và qu n lý tài s n b o L m; E) Ch m d t bao thanh toán, x lý n ; mi n, gi m lãi su t, phí. 3. Trong th i h n 10 ngày làm vi c k t ngày ban hành, s a E i, b sung ho c thay th quy E nh n i b v ho t E ng bao thanh toán quy E nh t i kho n 1, 2 ñ i u này, E n v bao thanh toán ph i g i quy E nh n i b cho Ngân hàng Nhà n c (C quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) E thanh tra, giám sát.	
8	ñ i u 6. Áp d ng các Li u c và t p quán qu c t 1. Các Li u c qu c t v bao thanh toán mà CHXHCN Vi t Nam ký k t ho c tham gia có quy E nh khác v i quy E nh t i Quy ch này thì áp d ng quy E nh t i Li u c qu c t Ló. 2. Các bên có th tho thu n áp d ng các quy t c, t p quán và thông l v bao thanh toán, n u các quy t c, t p quán và thông l Ló không trái v i pháp lu t Vi t Nam.	ñ xu t b .	Lý do: Kho n 3, kho n 4 ñ i u 3 Lu t các t ch c tín d ng Lã có quy E nh t ng t : "3. Tr ng h p Li u c qu c t mà C ng hòa xã h i ch nghñ Vi t Nam là thành viên có quy E nh khác v i quy E nh c a Lu t này thì áp d ng quy E nh c a Li u c qu c t Ló. 4. T ch c, cá nhân tham gia ho t E ng ngân hàng L c quy n th a thu n áp d ng t p quán th ng m i, bao g m: a) T p quán th ng m i qu c t do Phòng th ng m i qu c

B N G I I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O TH O T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ - NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CS TT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
			t ban hành; b) T p quán th ng m i khác không trái v i pháp lu t c a Vi t Nam.".
9	ñ i u 11. Lo i hình bao thanh toán 1. ñ n v bao thanh toán E c th c hi n các hình th c bao thanh toán sau: a. Bao thanh toán có quy n truy Lò i: E n v bao thanh toán có quy n Lò i l i s t i n Lã ng tr c cho Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v khi Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v không có kh ñ ñng hoàn thành nghĩa v thanh toán kho n ph i thu. b. Bao thanh toán không có quy n truy Lò i: E n v bao thanh toán ch u toàn b r i ro khi Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v không có kh ñ ñng hoàn thành nghĩa v thanh toán kho n ph i thu. ñ n v bao thanh toán ch có quy n Lò i l i s t i n Lã ng tr c cho Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v trong tr ng h p Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v t ch i thanh toán kho n ph i thu do Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v giao hàng không Lúng nh tho thu n t i H p E ng mua bán hàng hoá, cung ng d ch v ho c vì m t lý do khác không liên quan E n kh ñ ñng thanh toán c a Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v . 2. ñ n v bao thanh toán E c th c hi n bao thanh toán trong n c và bao thanh toán xu t-nh p kh u.	ñ i u 6. Lo i hình bao thanh toán 1. Bao thanh toán trong n c là v i c bao thanh toán d a trên h p E ng mua, bán hàng hoá, cung ng d ch v , trong Lò bên bán hàng và bên mua hàng là ng i c trú, bao g m: a) Bao thanh toán bên bán hàng trong n c: E n v bao thanh toán và bên bán hàng ký h p E ng bao thanh toán E i v i m t ho c m t s kho n ph i thu c a bên bán hàng; b) Bao thanh toán bên mua hàng trong n c: E n v bao thanh toán và bên mua hàng ký h p E ng bao thanh toán E i v i m t ho c m t s kho n ph i tr c a bên mua hàng. 2. Bao thanh toán qu c t là v i c bao thanh toán d a trên h p E ng mua, bán hàng hoá, cung ng d ch v gi a bên xu t kh u và bên nh p kh u, trong Lò m t bên là ng i c trú, m t bên là ng i không c trú bao g m: a) Bao thanh toán bên xu t kh u: E n v bao thanh toán và bên xu t kh u ký h p E ng bao thanh toán E i v i m t ho c m t s kho n ph i thu c a bên xu t kh u; b) Bao thanh toán bên nh p kh u: E n v bao thanh toán và bên nh p kh u ký h p E ng bao thanh toán E i v i m t ho c m t s kho n ph i tr c a bên nh p kh u.	Lu t các TCTD 2010 (kho n 17 ñ i u 4) không cho phép th c hi n hình th c bao thanh toán m i n quy n truy Lò i, do v y D th o Thông t b quy E nh v hình th c này. M t khác, Lu t các TCTD (t i t E kho n 2 ñ i u 98) quy E nh ho t E ng ngân hàng c a ngân hàng th ng m i g m bao thanh toán trong n c, bao thanh toán qu c t , do v y D th o Thông t phân chia lo i hình BTT theo ph m vi trong n c, qu c t E phù h p v i Lu t các TCTD.
10	ñ i u 12. Ph ng th c bao thanh toán 1. Bao thanh toán t ng l n: ñ n v bao thanh toán và Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v th c hi n các th t c c n thi t và ký h p E ng bao thanh toán E i v i các kho n ph i thu c a Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v . 2. Bao thanh toán theo h n m c: ñ n v bao thanh toán và Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v tho thu n và xác E nh m t h n m c bao thanh toán duy trì trong m t kho ng th i gian nh t E nh.	ñ i u 7. Ph ng th c bao thanh toán 1. Bao thanh toán t ng l n: M i l n bao thanh toán, E n v bao thanh toán và khách hàng ký k t vñ b n th a thu n v v i c bao thanh toán. 2. Bao thanh toán theo h n m c: ñ n v bao thanh toán và khách hàng tho thu n và xác E nh s t i n ng t i La duy trì trong m t kho ng th i gian nh t E nh t i h p E ng bao thanh toán. 3. Bao thanh toán h p v n: Hai hay nhi u E n v bao thanh	Trên c s k th a quy E nh t i Qñ 1096, d th o Thông t ch nh s a l i câu ch E phù h p v i hình th c c p t i n đ ng khác.

B N G I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O TH O N G T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ - NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CS TT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
	3. ñ ng bao thanh toán: hai hay nhi u E n v bao thanh toán cùng th c hi n ho t E ng bao thanh toán cho m t H p E ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v , trong Ló m t E n v bao thanh toán làm E u m i th c hi n vì c t ch c E ng bao thanh toán.	toán cùng th c hi n bao thanh toán E i v i m t ho c m t s kho n ph i thu ho c kho n ph i tr c a khách hàng, trong Ló m t E n v bao thanh toán làm E u m i th c hi n vì c t ch c bao thanh toán h p v n.	
11	ñ i u 13. Quy trình ho t E ng bao thanh toán: 1. Ho t E ng bao thanh toán E c th c hi n theo các b c chính nh sau: a. Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v E ngh E n v bao thanh toán th c hi n bao thanh toán các kho n ph i thu; b. ñ n v bao thanh toán th c hi n phân tích các kho n ph i thu, tình hình ho t E ng và kh ñ ñ g tài chính c a Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v và Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v ; c. ñ n v bao thanh toán và Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v tho thu n và ký k t h p E ng bao thanh toán. d. Bên bán hàng g i vñ b n thông báo v h p E ng bao thanh toán cho bên mua hàng và các bên liên quan, trong Ló nêu rõ vì c bên bán hàng chuy n giao quy n Lòi n cho E n v bao thanh toán và h ñ g d n bên mua hàng thanh toán cho E n v bao thanh toán. e. Bên mua hàng g i vñ b n cho bên bán hàng và E n v bao thanh toán xác nh n v vì c ñ ñ nh n E c thông báo và cam k t v vì c th c hi n thanh toán cho E n v bao thanh toán. Tr ñ g h p bên mua hàng không có vñ b n cam k t th c hi n thanh toán cho E n v bao thanh toán thì vì c t i p t c th c hi n bao thanh toán g i a bên bán và E n v bao thanh toán s do hai bên quy t E nh và t ch u trách nhi m khi có r i ro phát sinh. f. Bên bán hàng chuy n giao b ng kê kèm b n g c h p E ng mua bán hàng hoá, cung ng d ch v ; ch ñ g t mua bán hàng hoá, cung ng d ch v và các ch ñ g t khác liên quan E n các kho n ph i thu cho E n v bao thanh toán. N u tài li u nêu trên là b n sao có ch ñ g th c c a c	ñ i u 8. Yêu c u th c hi n bao thanh toán 1. Bao thanh toán ph i l p thành h p E ng b ng vñ b n phù h p v i quy E nh t i Thông t này và các quy E nh c a pháp lu t khác có liên quan. 2. ñ n v bao thanh toán ch E c bao thanh toán E i v i khách hàng là ñ i c trú và không E c ñ g t i n v t quá giá tr kho n ph i thu, kho n ph i tr . 3. ñ n v bao thanh toán ph i yêu c u khách hàng cung c p tài li u liên quan E n kho n ph i thu, kho n ph i tr , kh ñ ñ g tài chính, tình hình ho t E ng và bi n pháp b o E m t i n vay (n u có) tr c khi quy t E nh bao thanh toán. 4. ñ n v bao thanh toán và khách hàng ph i th a thu n v vì c g i vñ b n thông báo v h p E ng bao thanh toán cho các bên liên quan t i h p E ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v (tr quy E nh t i kho n 6 ñ i u này) E các bên liên quan xem xét, cam k t th c hi n h ñ g d n t i vñ b n thông báo. Tr ñ g h p bên liên quan không có vñ b n cam k t th c hi n h ñ g d n t i vñ b n thông báo, E n v bao thanh toán ch E c th c hi n bao thanh toán bên bán hàng trong n c E i v i khách hàng Láp ng E y E các Li u ki n quy E nh t i t i a, b kho n 6 ñ i u này. 5. Vñ b n thông báo quy E nh t i kho n 4 ñ i u này bao g m n i dung chuy n giao quy n, ñ ñ v E i v i kho n ph i thu, kho n ph i tr và E ngh bên liên quan cam k t th c hi n m t s n i dung theo h ñ g d n phù h p v i lo i hình bao thanh toán. 6. ñ n v bao thanh toán và khách hàng E c th a thu n v vì c không thông báo cho các bên liên quan trong ho t E ng bao thanh toán bên bán hàng trong n c khi Láp ng E y E	Theo quy E nh t i kho n 17 ñ i u 4 Lu t các TCTD, các TCTD, chi nhánh ngân hàng n c ngoài E c th c hi n BTT E i v i các kho n ph i tr (BTT bên mua hàng). Vì c quy E nh quy trình ho t E ng BTT không còn phù h p vì s d n E n ph i quy E nh quy trình riêng E i v i t ng lo i hình BTT: BTT bên mua hàng, BTT bên bán hàng, BTT bên xu t kh u, BTT bên nh p kh u. Do v y, D th o Thông t E xu t b quy E nh v quy trình (Li u này c ñ g phù h p v i quy E nh E i v i các lo i hình c p t i n đ ng khác) E t ñ g tính ch E ng cho các TCTD, chi nhánh NHNNg, thay vào Ló E a ra các yêu c u mà các TCTD, chi nhánh NHNNg ph i Láp ng khi th c hi n BTT.

B NGI I TRÌNH NH NG THAY ã I TRONG D TH O THÔNG T

STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CS TT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
	quan có th m quy n thì s do bên bán hàng, E n v bao thanh toán tho thu n và t chu trách nhi m v quy t E nh c a mình khi có r i ro phát sinh; g. ã n v bao thanh toán chuy n ti n ng tr c cho Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v theo tho thu n trong h p E ng bao thanh toán; h. ã n v bao thanh toán theo dõi, thu n t Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v ; i. ã n v bao thanh toán t t toán ti n v i Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v theo quy E nh trong h p E ng bao thanh toán; k. Gi i quy t các v n E t n t i phát sinh khác. 2. ã i v i ho t E ng bao thanh toán xu t-nh p kh u: qui trình nghi p v bao thanh toán có th E c th c hi n theo quy E nh t i kho n 1 ã i u này ho c E c th c hi n thông qua E n v bao thanh toán nh p kh u. ã n v bao thanh toán nh p kh u chu trách nhi m phân tích kho n ph i thu, tình hình ho t E ng, kh n ãng tài chính c a Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v là bên nh p kh u trong h p E ng xu t-nh p kh u; th c hi n vi c thu n theo u quy n c a E n v bao thanh toán xu t kh u và cam k t s thanh toán thay cho bên nh p kh u trong tr ãng h p bên nh p kh u không có kh n ãng thanh toán kho n ph i thu. Tr ãng h p ho t E ng bao thanh toán th c hi n qua E n v bao thanh toán nh p kh u, E n v bao thanh toán xu t kh u và E n v bao thanh toán nh p kh u ph i tho thu n và ký k t m t h p E ng riêng phù h p v i quy E nh c a pháp lu t, trong Ló quy E nh c th v quy n l i và ngh ã v c a m i bên.	các Li u ki n sau Lây: a) ã n v bao thanh toán Lánh giá khách hàng có E y E ã ãng l c tài chính, kh n ãng tr n và không có n x u t i các t ch c tín d ãng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài t i th i Li m ký h p E ng bao thanh toán; b) ã n v bao thanh toán ki m soát E c vi c bên mua hàng thanh toán kho n ph i tr cho bên bán hàng. 7. ã i v i bao thanh toán bên xu t kh u, E n v bao thanh toán ch E c th c hi n bao thanh toán thông qua E n v bao thanh toán qu c gia có bên nh p kh u d a trên c s th a thu n v vi c th c hi n ho t E ng bao thanh toán phù h p thông l qu c t ho c theo khuôn kh quy E nh chung c a m t hi p h i bao thanh toán qu c t và phù h p v i quy E nh pháp lu t c a Vi t Nam, trong Ló có quy E nh v quy n, trách nhi m c a các bên, bi n pháp ki m soát r i ro và c ch x lý tranh ch p. ã n v bao thanh toán E c l a ch n chi nhánh ho c ngân hàng m t i qu c gia có bên nh p kh u làm E n v cùng tham gia bao thanh toán. 8. ã n v bao thanh toán th c hi n ng ti n sau khi nh n E c E y E b n g c h p E ng, ch ng t mua bán hàng hóa, cung ng d ch v , tr tr ãng h p quy E nh t i kho n 9 ã i u này. 9. ã n v bao thanh toán E c s d ãng b n sao có công ch ãng h p E ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v , b n sao (có ho c không có công ch ãng) ho c b ãng kê ch ãng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v E ãng ti n sau khi Lã th a thu n E c các bi n pháp t i h p E ng bao thanh toán E ã m b o: a) Tính chính xác, trung th c, E y E c a b ãng kê ho c b n sao không có ch ãng th c so v i b n g c c a ch ãng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ; b) Khách hàng và các bên liên quan không s d ãng b n g c ho c b n sao có ch ãng th c cho m c Lích tài tr khác mà không có s E ãng ý c a E n v bao thanh toán. 10. Vi c bao thanh toán h p v n th c hi n theo quy E nh t i Thông t này, quy E nh c a Ngân hàng Nhà n c v c p tín	

B N G I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O THÔNG T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ - NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CSTT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
		đ ng h p v n L i v i khách hàng và quy E nh c a pháp lu t có liên quan.	
12	ñ i u 22. N i dung h p E ng bao thanh toán H p E ng bao thanh toán bao g m các n i dung chính sau: 1. Tên, L a ch , Li n tho i, Faxë c a các bên ký h p E ng bao thanh toán; 2. Giá tr các kho n ph i thu E c bao thanh toán, quy n và l i ích liên quan E n kho n ph i thu theo H p E ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v ; 3. Lãi và phí bao thanh toán; 4. Giá mua, bán kho n ph i thu: E c xác E nh trên c s giá tr kho n ph i thu sau khi tr Li lãi và phí bao thanh toán. 5. S t i n ng tr c và ph ng th c thanh toán; 6. Thông báo v vi c bao thanh toán cho Bên mua hàng hoá, s đ ng d ch v và các bên có liên quan; 7. Hình th c b o L m cho L n v bao thanh toán truy Lò i l i s t i n Lã ng tr c, giá tr tài s n làm b o L m; 8. Th i h n hi u l c c a h p E ng bao thanh toán; 9. Quy n và nghã v c a các bên; 10. Ph ng th c chuy n giao H p E ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v , Ch ng t mua bán hàng hoá, cung ng d ch v , quy n, l i ích và các gi y t liên quan E n kho n ph i thu E c bao thanh toán; 11. Quy E nh v vi c truy Lò i c a L n v bao thanh toán; 12. Gi i quy t tranh ch p phát sinh; 13. Các tho thu n khác.	ñ i u 9. H p E ng bao thanh toán 1. H p E ng bao thanh toán ph i phù h p v i quy E nh t i Thông t này và các quy E nh c a pháp lu t khác có liên quan, trong Ló bao g m các n i dung sau Đây: a) Tên, L a ch , Li n tho i, th Li n t , fax, mã s thu c a các bên ký h p E ng bao thanh toán; b) Giá tr các kho n ph i thu ho c kho n ph i tr E ngh bao thanh toán, quy n và l i ích c a các bên liên quan E n kho n ph i thu ho c kho n ph i tr theo h p E ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ; c) Lãi và phí bao thanh toán; d) S t i n bao thanh toán, th i Li m và ph ng th c thanh toán; e) Th a thu n v trách nhi m g i thông báo, các Li u ki n, bi n pháp L m b o quy E nh t i kho n 6, 9 ñ i u 8 Thông t này L i v i tr ng h p không thông báo v h p E ng bao thanh toán cho các bên liên quan; tr ng h p bên liên quan không có vñ b n cam k t th c hi n theo h ng d n t i vñ b n thông báo và tr ng h p không s đ ng b n g c h p E ng, ch ng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ; f) Quy E nh trách nhi m c a khách hàng trong vi c thanh toán kho n ph i thu, kho n ph i tr ; quy E nh v vi c truy Lò i l i s t i n bao thanh toán c a L n v bao thanh toán; trách nhi m chuy n giao tài s n b o L m L E n v bao thanh toán x lý thu h i kho n ph i thu, kho n ph i tr trong tr ng h p bên mua hàng không thanh toán E c kho n ph i thu, kho n ph i tr khi L n h n thanh toán theo th a thu n t i h p E ng bao thanh toán và L n v bao thanh toán không th c hi n E c quy n truy Lò i; g) Th i h n bao thanh toán; h) Quy n và nghã v c a các bên; i) Ph ng th c chuy n giao h p E ng mua, bán hàng hóa,	S a E i, b sung trên c s k th a quy E nh t i Qñ 1096.

B N G I I TRÌNH NH NG THAY ã I TRONG D TH O THÔNG T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CSTT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
		cung ng d ch v , ch ng t bán hàng, quy n, l i ích và các gi y t liên quan E n kho n ph i thu ho c kho n ph i tr E c bao thanh toán; k) Quy E nh v vi c c c u l i th i h n tr n (n u có); l) Ch m d t h p E ng tr c h n; m) X lý tranh ch p. 2. ñ n v bao thanh toán và khách hàng có th tho thu n các n i dung khác phù h p v i quy E nh c a pháp lu t và t p quán qu c t v ho t E ng bao thanh toán. 3. Vi c s a E i, b sung, ch m d t h p E ng bao thanh toán do các bên th a thu n và phù h p v i quy E nh c a pháp lu t và Thông t này.	
13	ñ i u 14. Qui E nh v E ng ti n E c s d ng trong ho t E ng bao thanh toán Các giao d ch bao thanh toán E c th c hi n b ng ñ ng Vi t Nam. ñ i v i các giao d ch bao thanh toán th c hi n b ng ngo i t , E n v bao thanh toán, Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v và Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v ph i th c hi n Lúng các quy E nh hi n hành v qu n lý ngo i h i.	ñ i u 10. ñ ng ti n trong ho t E ng bao thanh toán ñ n v bao thanh toán th c hi n bao thanh toán b ng ñ ng Vi t Nam. ñ n v bao thanh toán E c th c hi n bao thanh toán b ng ngo i t trong tr ng h p khách hàng là E i t ng E c vay ngo i t theo quy E nh c a pháp lu t v cho vay b ng ngo i t .	K th a quy E nh c O và s a E i E làm rõ: BTT c O là m t hình th c c p t n d ng nên vi c BTT ngo i t ch E c th c hi n v i các khách hàng là E i t ng E c vay ngo i t theo quy E nh c a pháp lu t v cho vay b ng ngo i t .
14	ñ i u 15. Lãi và phí trong ho t E ng bao thanh toán Lãi và phí trong ho t E ng bao thanh toán do các bên tho thu n t i h p E ng bao thanh toán, g m: 1. Lãi E c tính trên s v n mà E n v bao thanh toán ng tr c cho Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v phù h p v i lãi su t th tr ng. 2. Phí E c tính trên giá tr kho n ph i thu E bù E p r i ro t n d ng, chi phí qu n lý s sách bán hàng và các chi phí khác.	ñ i u 11. Lãi và phí bao thanh toán 1. Lãi và phí bao thanh toán do các bên tho thu n t i h p E ng bao thanh toán và phù h p v i quy E nh c a pháp lu t. M c lãi su t bao thanh toán E c tính theo t l %/nñ m và ph i E c ghi trong h p E ng bao thanh toán. 2. Khi E n h n thanh toán mà khách hàng không tr ho c tr không E y E n g c và/ho c lãi theo th a thu n c a E n v bao thanh toán và khách hàng trong h p E ng bao thanh toán, thì khách hàng ph i tr lãi nh sau: a) Lãi su t áp d ng trên s ti n E n v bao thanh toán Lã ng cho khách hàng quá h n do E n v bao thanh toán th a thu n v i khách hàng trong h p E ng bao thanh toán nh ng không v t quá 150% lãi su t bao thanh toán trong h n; b) Lãi su t áp d ng trên s ti n E n v bao thanh toán Lã ng cho khách hàng quá h n do E n v bao thanh toán th a thu n v i khách hàng trong h p E ng bao thanh toán nh ng không v t quá 150% lãi su t bao thanh toán trong h n; c) Lãi su t áp d ng trên s ti n E n v bao thanh toán Lã ng cho khách hàng quá h n do E n v bao thanh toán th a thu n v i khách hàng trong h p E ng bao thanh toán nh ng không v t quá 150% lãi su t bao thanh toán trong h n;	ñ i u 357 B lu t dân s 2015 quy E nh trách nhi m do ch m th c hi n nghã v tr ti n: 01. Tr ng h p bên có nghã v ch m tr ti n thì bên Ló ph i tr lãi E i v i s ti n ch m tr t ng ng v i th i gian ch m tr . 2. Lãi su t phát sinh do ch m tr ti n E c xác E nh theo th a thu n c a các bên nh ng không E c v t quá m c lãi su t E c quy E nh t i kho n 1

B N G I I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O THÔNG T

STT	Quy Ònh hì n hành (Quy t Ònh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CSTT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
		b) Tr ñng h p khách hàng không tr ãi Lúng h n ho c tr không Ò y Ò thì khách hàng còn ph i tr m c ãi su t theo th a thu n t i h p Ò ng bao thanh toán và phù h p v i quy Ònh c a pháp lu t Ò i v i kho n ãi ch m tr trong th i gian ch m tr . 3. ñ n v bao thanh toán ph i thông tin trung th c, chính xác cho khách hàng v phí, ãi su t áp đ ñg Ò khách hàng xem xét, quy t Ònh vi c ký k t h p Ò ng bao thanh toán.	ñ i u 468 c a B lu t này; n u không có th a thu n thì th c hì n theo quy Ònh t i kho n 2 ñ i u 468 c a B lu t này.ô ñ i m a Kho n 5 ñ i u 446 B lu t dân s 2015 quy Ònh: óTr ñng h p vay có ãi mà khi Ò n h n bên vay không tr ho c tr không Ò y Ò thì bên vay ph i tr ãi nh sau: a) ãi trên n g c theo ãi su t th a thu n trong h p Ò ng t ñng ñg v i th i h n vay mà Ò n h n ch a tr ; tr ñng h p ch m tr thì còn ph i tr ãi theo m c ãi su t quy Ònh t i kho n 2 ñ i u 468 c a B lu t này;ô Do Ló, D th o Thông t b sung quy Ònh v vi c ch m tr ãi Ò phù h p v i quy Ònh t i B Lu t dân s .
15	ñ i u 17. Các quy Ònh v gia h n thanh toán và chuy n n quá h n trong bao thanh toán Các quy Ònh v gia h n thanh toán và chuy n n quá h n trong bao thanh toán Ò c th c hì n theo h ñg đ ñ c a Ngân hàng Nhà n c. Công vñ s 676/NHNN-CSTT ngày 28/6/2005 v vi c c c u l i th i h n tr n , chuy n n quá h n Ò i v i ho t Ò ng bao thanh toán c a t ch c tín đ ñg 1. Các t ch c tín đ ñg th c hì n vi c c c u l i th i h n thanh toán Ò i v i các h p Ò ng bao thanh toán theo hai ph ñng th c sau Òây: - ñ i u ch nh kñh n thanh toán là vi c t ch c tín đ ñg	ñ i u 12. C c u l i th i h n tr n 1. ñ n v bao thanh toán xem xét quy t Ònh vi c c c u l i th i h n tr n theo quy Ònh t i kho n 2, kho n 3, kho n 4 ñ i u này trên c s Ò ñng c a khách hàng, ãi giá kh ñ ñng tr n c a khách hàng và kh ñ ñng tài chính c a Ò n v bao thanh toán. 2. Tr ñng h p khách hàng không có kh ñ ñng tr n g c và/ho c ãi Lúng kñh n trong ph m vi th i h n bao thanh toán ãi th a thu n và Ò c Ò n v bao thanh toán ãi giá là có kh ñ ñng tr Ò c Ò y Ò ñ g c và/ho c ãi theo kñh n tr n Ò c Ò i u ch nh, thì Ò n v bao thanh toán xem xét Ò i u ch nh kñh n tr n g c và/ho c ãi phù h p v i ñu n tr n	Ch nh s a l i Ò phù h p v i quy Ònh c a các hình th c c p tín đ ñg khác.

B N G I TRÌNH NH NG THAY Ẻ I TRONG D TH O TH O N G T

STT	Quy �nh hi �n h�nh (Quy �t �nh 1096/2004/Q��-NHNN, Q�� 30/2008/Q��-NHNN, Th�ng �t 24/2011/TT-NHNN, Th�ng �t �s 14/2016/TT-NHNN v�� C�ng v��n s 676/NHNN-CS TT)	�� xu �t s �, b � sung	L�y do
	ch �p thu �n thay �i k�u h �n tr �n trong ph �m vi th �i h �n thanh to�n �� tho � thu �n tr �c �� trong h �p � ng bao thanh to�n, m� k�u h �n tr �n cu �i c�ng kh�ng thay �i. - Gia h �n thanh to�n l� vi �t � ch � c �n d � ng ch �p thu �n k�o d�i th�m m �t kho �ng th �i gian tr �n t�i n �o thanh to�n v �t qu� th �i h �n thanh to�n �� tho � thu �n tr �c �� trong h �p � ng bao thanh to�n. 2. C�c t � ch � c �n d � ng th � ch �i n �i v � c � c � u l �i th �i h �n thanh to�n, chuy �n n � qu� h �n �i v �i c�c h �p � ng bao thanh to�n m� t � ch � c �n d � ng � ng tr �c t�i n �o b�n b�n h�ng nh � sau: a. C�c t � ch � c �n d � ng t � quy �t �nh v � c � c � u l �i th �i h �n thanh to�n tr�n c � s � kh � n��ng t�i ch�nh c � m�nh v� k �t qu � ��nh gi� kh � n��ng tr �n c � � kh�ch h�ng �i v �i c�c tr �ng h �p: - Kh�ch h�ng kh�ng c� kh � n��ng tr �n g �c v�/ho � ��i ��ng k�u h �n thanh to�n �� tho � thu �n trong h �p � ng bao thanh to�n c� � ng tr �c t�i n �o b�n b�n h�ng v� � c � t � ch � c �n d � ng ��nh gi� l� c� kh � n��ng tr �n trong c�c k�u h �n t�i p � theo, th� t � ch � c �n d � ng xem x�t �i u � ch � nh k�u h �n tr �n g �c v�/ho � ��i t�i n �o thanh to�n. - Kh�ch h�ng kh�ng c� kh � n��ng tr � h �t n � g �c v�/ho � ��i ��ng th �i h �n tr �n �� tho � thu �n trong h �p � ng bao thanh to�n c� � ng tr �c t�i n �o b�n b�n h�ng v� � c � t � ch � c �n d � ng ��nh gi� l� c� kh � n��ng tr �n trong m �t kho �ng th �i gian nh �t �nh sau th �i h �n bao thanh to�n, th� t � ch � c �n d � ng xem x�t quy �t �nh v � c � gia h �n th �i h �n thanh to�n g �c v�/ho � ��i t�i n �o thanh to�n. b. Tr �ng h �p kh�ch h�ng kh�ng tr �n ��ng h �n �� tho � thu �n trong c�c h �p � ng bao thanh to�n n�u t �i �i m � C�ng v��n n�y v� t � ch � c �n d � ng ��nh gi� l� kh�ng c� kh � n��ng tr �n ��ng h �n trong m �t kho �ng th �i gian nh �t �nh sau th �i h �n tr �n, kh�ng ch �p thu �n cho c � c � u l �i th �i h �n thanh to�n, th� s � d � n g � c � c � h �p � ng bao	c � � kh�ch h�ng; 3. Tr �ng h �p kh�ch h�ng kh�ng c� kh � n��ng tr � h �t n � g �c v�/ho � ��i ��ng bao thanh to�n ��ng th �i h �n �� tho � thu �n v� � c � � n v �o thanh to�n ��nh gi� l� c� kh � n��ng tr � � c � � y � n g �c v�/ho � ��i trong m �t kho �ng th �i gian nh �t �nh sau th �i h �n bao thanh to�n, th� � n v �o thanh to�n xem x�t gia h �n n � v �i th �i h �n ph� h �p ngu �n tr �n c � � kh�ch h�ng. 4. V � c � c � u l �i th �i h �n tr �n th � ch �i n � tr �c ho � trong ng�y cu �i c�ng c � k�u h �n, th �i h �n bao thanh to�n. ��i u 13. N � qu� h �n 1. S � t�i n � � n v �o thanh to�n �� ng cho kh�ch h�ng c� m �t ph �n ho � to�n b �n g �c v�/ho � ��i kh�ng tr ��ng h �n v� kh�ng � c � � n v �o thanh to�n ch �p thu �n c � c � u l �i th �i h �n tr �n, th� � n v �o thanh to�n th � ch �i n � chuy �n to�n b � s � t�i n � � n v �o thanh to�n �� ng cho kh�ch h�ng sang n � qu� h �n. 2. �� n v �o thanh to�n ph �i th�ng b�o cho kh�ch h�ng v � th �i �i m � chuy �n n � qu� h �n, ��i su � t �p d � ng �i v �i d � n g �c qu� h �n th �c t � v� ��i su � t �p d � ng v �i kho �n ��i ch � m �t .	

B N G I I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O THÔNG T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CS TT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
	thanh toán Lố là n quá h n; t ch c tín d ng phân lo i toàn b s d n g c ti n bao thanh toán c a khách hàng vào các nhóm n thích h p, trích l p và s d ng d phòng E x lý r i ro tín d ng theo quy E nh c a Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam. 3. ñ i v i hình th c bao thanh toán nh p kh u mà t ch c tín d ng ph i tr n thay cho bên nh p kh u, thì t ch c tín d ng th c hi n vi c c c u l i th i h n thanh toán, chuy n n quá h n E i v i s ti n mà t ch c tín d ng Ò tr n thay theo quy E nh c a Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam v b o lãnh ngân hàng. 4. Các t ch c tín d ng phân lo i toàn b s d n g c ti n bao thanh toán c a khách hàng có kho n n c c u l i th i h n thanh toán vào các nhóm n thích h p, trích l p và s d ng d phòng E x lý r i ro tín d ng theo quy E nh c a Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam. 5. Các t ch c tín d ng ph i có quy trình v gia h n thanh toán phù h p v i quy E nh c a Công vñ này, c a pháp lu t có liên quan v ho t E ng bao thanh toán và g i cho Thanh tra Ngân hàng Nhà n c ngay sau khi ban hành. 6. ñ i v i các h p E ng bao thanh toán E c gia h n thanh toán, t ch c tín d ng ph i báo cáo theo quy E nh c a Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam v ch E báo cáo th ng kê áp d ng E i v i các t ch c tín d ng.		
16	ñ i u 16. B o E m cho ho t E ng bao thanh toán ñ n v bao thanh toán và Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v tho thu n áp d ng ho c không áp d ng các bi n pháp b o E m cho ho t E ng bao thanh toán. Các hình th c b o E m bao g m: ký qu , c m c , th ch p tài s n, b o lãnh b ng tài s n c a bên th ba và các bi n pháp b o E m khác theo quy E nh c a pháp lu t.	ñ i u 14. B o E m cho ho t E ng bao thanh toán ñ n v bao thanh toán và khách hàng th a thu n áp d ng ho c không áp d ng các bi n pháp b o E m cho ho t E ng bao thanh toán theo quy E nh c a pháp lu t v giao d ch b o E m và pháp lu t có liên quan, bao g m c vi c Ò ký ký giao d ch b o E m E i v i kho n ph i thu. Tr ng h p áp d ng bi n pháp b o E m thì E n v bao thanh toán ph i yêu c u khách hàng cung c p các tài li u E ch ng minh v i c áp d ng bi n pháp b o E m tr c khi quy t E nh bao thanh toán.	K th a quy E nh t i Qñ 1096, s a E i E nh n m nh v i c E n v bao thanh toán và khách hàng có th l a ch n Ò ký ký giao d ch b o E m E i v i kho n ph i thu.

B N G I I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O THÔNG T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CS TT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
17		ñ i u 15. Ho t E ng bao thanh toán b ng ph ng ti n Li n t 1. ñ n v bao thanh toán th c hi n ho t E ng bao thanh toán b ng ph ng ti n Li n t theo quy E nh c a pháp lu t v giao d ch Li n t trong ho t E ng ngân hàng. 2. ñ n v bao thanh toán ph i g i h s v h th ng công ngh thông tin ph c v cho ho t E ng bao thanh toán b ng ph ng ti n Li n t (g m mô hình thi t k ch ng trình ng d ng, h t ng công ngh và các gi i pháp E m b o an toàn h th ng công ngh thông tin) v Ngân hàng Nhà n c (C c Công ngh tin h c) t i thi u 10 ngày làm vi c tr c khi th c hi n ho t E ng bao thanh toán b ng ph ng ti n Li n t . 3. Khách hàng s d ng ho t E ng bao thanh toán b ng ph ng ti n Li n t ph i tuân th các Li u ki n, h ng d n c a E n v bao thanh toán trong giao d ch Li n t .	D th o Thông t b sung quy E nh ho t E ng bao thanh toán b ng ph ng ti n Li n t nh m t o Li u ki n cho hình th c này phát tri n theo xu h ng chung.
18		ñ i u 16. Phân lo i, trích l p d phòng r i ro và s d ng d phòng E x lý r i ro E i v i ho t E ng bao thanh toán ñ n v bao thanh toán th c hi n vi c phân lo i, trích l p d phòng, s d ng d phòng E x lý r i ro E i v i ho t E ng bao thanh toán theo quy E nh c a Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam v phân lo i tài s n có, m c trích, ph ng pháp trích l p d phòng r i ro và vi c s d ng d phòng E x lý r i ro trong ho t E ng c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.	B sung E phù h p v i quy E nh c a NHNN E i v i các lo i hình c p tín d ng khác.
19		ñ i u 17. H ch toán k toán, th ng kê và báo cáo ñ n v bao thanh toán th c hi n vi c h ch toán k toán, báo cáo th ng kê E i v i ho t E ng bao thanh toán theo quy E nh c a pháp lu t hi n hành v ch E h ch toán k toán và báo cáo th ng kê c a Ngân hàng Nhà n c áp d ng E i v i t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.	B sung E phù h p v i quy E nh c a NHNN E i v i các lo i hình c p tín d ng khác.
20	ñ i u 18. Quy E nh v thu Các quy E nh v thu E i v i ho t E ng bao thanh toán E c th c hi n theo quy E nh c a pháp lu t.	ñ xu t b	Không c n thi t nh c l i quy E nh c a pháp lu t.

B N G I I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O THÔNG T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CS TT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
21	ñ i u 20. Quy E nh v an toàn 1. Ho t E ng bao thanh toán ph i b o E m các quy E nh v an toàn t i Lu t các T ch c tín d ng và các vñ b n h ng d n c a Ngân hàng Nhà n c; 2. T ng s d bao thanh toán cho m t khách hàng không E c v t quá 15% v n t có c a E n v bao thanh toán. ñ i v i chi nhánh ngân hàng n c ngoài, t ng s d bao thanh toán cho m t khách hàng không E c v t quá 15% v n t có c a ngân hàng n c ngoài. 3. S d các kho n ph i thu mà E n v bao thanh toán nh p kh u b o lãnh thanh toán cho 01 bên nh p kh u ph i n m trong gi i h n t ng s d b o lãnh c a t ch c tín d ng cho 01 khách hàng theo quy E nh t i Quy ch B o lãnh ngân hàng. 4. Tr ng h p nhu c u bao thanh toán c a m t khách hàng v t quá 15% v n t có c a E n v bao thanh toán thì các E n v bao thanh toán E c th c hi n E ng bao thanh toán cho khách hàng theo quy E nh c a Ngân hàng Nhà n c. 5. T ng s d bao thanh toán không E c v t quá v n t có c a E n v bao thanh toán.	ñ xu t b .	Các quy E nh v an toàn Lã E c quy E nh th ng nh t t i Thông t s 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 quy E nh các gi i h n, t l b o E m an toàn trong ho t E ng c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài, do v y, không c n có quy E nh v an toàn riêng E i v i ho t E ng BTT.
22	ñ i u 21. H p E ng bao thanh toán 1. H p E ng bao thanh toán là vñ b n tho thu n gi a E n v bao thanh toán và Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v v i c mua l i các kho n ph i thu phù h p v i các quy E nh c a pháp lu t. 2. H p E ng bao thanh toán có th E c s a E i, b sung ho c hu b n u các bên liên quan có tho thu n.	ñ xu t b , E a vào kho n 7 ñ i u 3 Gi i thích t ng ó 7. <i>H p E ng bao thanh toán</i> là vñ b n th a thu n gi a E n v bao thanh toán và khách hàng nh m xác l p, thay E i ho c ch m d t quy n và nghñ v c a các bên v i c bao thanh toán.	S a E i, E a vào ph n Gi i thích t ng E E m b o tính chính xác, cô E ng và khoa h c.
		ñ i u 17. H ch toán k toán, th ng kê và báo cáo ñ n v bao thanh toán th c hi n v i c h ch toán k toán, báo cáo th ng kê E i v i ho t E ng bao thanh toán theo quy E nh c a pháp lu t hi n hành v ch E h ch toán k toán và báo cáo th ng kê c a Ngân hàng Nhà n c áp d ng E i v i t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.	

B N G I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O THÔNG T

STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CS TT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
23	ñ i u 23. Quy n và nghñ v c a E n v bao thanh toán 1. Quy n c a E n v bao thanh toán: a. ñ c yêu c u Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v cung c p các thông tin và tài li u liên quan E n kho n ph i thu, kh nñg tài chính và tình hình ho t E ng c a Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v ; b. ñ c yêu c u bên bán hàng chuy n giao toàn b b ng kê kèm b ng c ho c b n sao có ch ng th c c a c quan có th m quy n v h p E ng mua bán hàng hoá, cung ng d ch v ; ch ng t mua bán hàng hoá, cung ng d ch v ; quy n, l i ích và các gi y t liên quan E n kho n ph i thu E c bao thanh toán; c. Có quy n Lò i n E i v i Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v theo giá tr kho n ph i thu E c bao thanh toán và E c h ñ ng các quy n và l i ích khác mà ng i bán hàng E c h ñ ng theo quy E nh t i H p E ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v ; d. ñ c chuy n quy n Lò i n , tr tr ñ ng h p các bên trong h p E ng bao thanh toán có tho thu n không E c chuy n giao quy n Lò i n . 2. Nghñ v c a E n v bao thanh toán: a. Thanh toán cho Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v theo giá mua kho n ph i thu ñã E c tho thu n trong h p E ng bao thanh toán; b. Ch u toàn b r i ro khi Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v không có kh nñg hoàn thành nghñ v thanh toán kho n ph i thu trong tr ñ ng h p th c hi n bao thanh toán không có quy n truy Lò i. c. Th c hi n Lúng và E y E các Li u kho n ñã tho thu n trong h p E ng bao thanh toán.	ñ i u 18. Quy n và nghñ v c a E n v bao thanh toán 1. Quy n c a E n v bao thanh toán: a) Yêu c u khách hàng cung c p tài li u liên quan E n kho n ph i thu, kho n ph i tr , kh nñg tài chính, tình hình ho t E ng; b) Yêu c u khách hàng cung c p E y E h p E ng, ch ng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ; quy n l i, nghñ v và các gi y t liên quan E n kho n ph i thu, kho n ph i tr E c bao thanh toán; c) Yêu c u khách hàng thanh toán s t i n th a thu n t i h p E ng bao thanh toán; d) Th c hi n quy n l i và nghñ v khác c a khách hàng t i h p E ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ; e) Chuy n quy n Lò i n , tr tr ñ ng h p các bên trong h p E ng bao thanh toán có tho thu n không E c chuy n giao quy n Lò i n . 2. Nghñ v c a E n v bao thanh toán: a) Thanh toán E y E , Lúng h n cho khách hàng ho c bên liên quan theo tho thu n t i h p E ng bao thanh toán; b) Th c hi n Lúng và E y E các Li u kho n ñã tho thu n trong h p E ng bao thanh toán.	D th o Thông t ñã b n i dung các ñ i u quy E nh v quy trình bao thanh toán và b sung ñ i u quy E nh v yêu c u khi th c hi n bao thanh toán, theo Ló ñ i u 18 quy ñ nh Quy n và nghñ v c a E n v bao thanh toán ch nh s a l i cho phù h p v i D th o hi n hành.
24	ñ i u 24. Quy n và nghñ v c a Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v 1. Quy n c a Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v : Nh n ti n thanh toán c a E n v bao thanh toán theo giá	ñ i u 19. Quy n và nghñ v c a bên bán hàng 1. Quy n c a bên bán hàng: Nh n ti n bao thanh toán t E n v bao thanh toán. 2. Nghñ v c a bên bán hàng:	S a E i, b sung E phù h p v i ñ i dung c a D th o Thông t .

B N G I TR I N H N H N G T H A Y Ñ I T R O N G D T H O T H O N G T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CS TT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
	mua, bán kho n ph i thu Lã tho thu n trong h p E ng bao thanh toán; 2. Nghã v c a Bên bán hàng hoá, cung ng d ch v : a. Cung c p E y E , chính xác và trung th c thông tin, tài li u và báo cáo theo yêu c u c a E n v bao thanh toán; b. Thông báo cho Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v và các bên có liên quan theo quy E nh t i Li m d, kho n 1, ñ i u 13 c a Quy ch này; c. Ch u r i ro khi Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v không có kh ñ ñg hoàn thành nghã v thanh toán các kho n ph i thu trong tr ñ ng h p bao thanh toán có quy n truy Lôi. d. Chuy n giao E y E và Lúng h n cho E n v bao thanh toán toàn b b ng kê kèm b n g c (ho c b n sao có ch ng th c c a c quan có th m quy n) h p E ng mua bán hàng hoá, cung ng d ch v ; ch ng t mua bán hàng hoá, cung ng d ch v ; quy n, l i ích và các gi y t khác có liên quan E n kho n ph i thu E c bao thanh toán theo tho thu n trong h p E ng bao thanh toán e. Th c hi n Lúng và E y E các Li u kho n Lã tho thu n trong h p E ng bao thanh toán và H p E ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v .	a) Cung c p E y E , chính xác và trung th c thông tin, tài li u và báo cáo theo yêu c u c a E n v bao thanh toán; b) Chuy n giao E y E và Lúng h n h p E ng, ch ng t mua, bán hàng hoá, cung ng d ch v cho E n v bao thanh toán theo th a thu n; c) Th c hi n Lúng và E y E các Li u kho n Lã tho thu n trong h p E ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v và h p E ng bao thanh toán.	
25	ñ i u 25. Quy n và nghã v c a Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v 1. Quy n c a Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v : a. ñ c thông báo v vì c bao thanh toán; b. Không thay E i v quy n l i và nghã v quy E nh t i H p E ng mua bán hàng hóacung ng d ch v , ngo i tr bên nh n ti n thanh toán kho n ph i thu. Vì c Li u ch nh các Li u kho n quy E nh t i H p E ng mua bán hàng hóa, cung ng d ch v ph i E c Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v ch p thu n b ng vñ b n. 2. Nghã v c a Bên mua hàng hoá, s d ng d ch v : a. Xác nh n b ng vñ b n v vì c Lã nh n E c thông báo	ñ i u 20. Quy n và nghã v c a bên mua hàng 1. Quy n c a bên mua hàng: Nh n thông báo v vì c bao thanh toán (tr ñ ng h p bên bán hàng và E n v bao thanh toán th a thu n v không thông báo). 2. Nghã v c a bên mua hàng: a) Cung c p E y E , chính xác và trung th c thông tin, tài li u và báo cáo theo yêu c u c a E n v bao thanh toán; b) Chuy n giao E y E và Lúng h n cho E n v bao thanh toán h p E ng, ch ng t mua, bán hàng hoá, cung ng d ch v theo th a thu n t i h p E ng bao thanh toán; c) Thanh toán E y E và Lúng h n cho E n v bao thanh toán theo th a thu n.	S a E i, b sung E phù h p v i ñ i dung c a D th o Thông t .

B N G I TRÌNH NH NG THAY Ẻ I TRONG D TH O TH ỌNG T			
STT	Quy Ẻ nh Ẻ n hành (Quy t Ẻ nh 1096/2004/Q Ẻ - NHNN, Q Ẻ 30/2008/Q Ẻ -NHNN, Th ọng t Ẻ s 14/2016/TT-NHNN và C ọng v Ẻ n s 676/NHNN-CS TT)	Ẻ xu t s a, b sung	Lý do
	và cam k t thanh toán theo quy Ẻ nh t i Ẻ m Ẻ, kho n 1, Ẻ i u 13; tr ọng h p t ch i thanh toán ph i có lý do xác Ẻ ằng và ph i th ọng báo b ọg v Ẻ n b n ngay cho Bên bán hàng hoá, cung ọg d ch v và Ẻ n v bao thanh toán. b. Thanh toán cho Ẻ n v bao thanh toán theo Ẻ ằng các Ẻ i u kho n quy Ẻ nh t i H p Ẻ ng mua bán hàng hóa, cung ọg d ch v . c. Không Ẻ c Ẻ òi l i s t i n Ẻ ả thanh toán cho Ẻ n v bao thanh toán trong tr ọng h p Bên bán hàng hoá, cung ọg d ch v không th c Ẻ i n, ho c th c Ẻ i n không Ẻ ằng, Ẻ y Ẻ các Ẻ i u kho n quy Ẻ nh t i H p Ẻ ng mua bán hàng hóa, cung ọg d ch v , tr tr ọng h p Ẻ n v bao thanh toán c t ọnh thanh toán kho n chỉ tr c a Bên mua hàng hoá, s d ọg d ch v cho Bên bán hàng hoá, cung ọg d ch v sau khi Ẻ ả Ẻ c Bên mua hàng hoá, s d ọg d ch v th ọng báo v i c Bên bán hàng hoá, cung ọg d ch v có hành vi vi ph m H p Ẻ ng mua bán hàng hóa, cung ọg d ch v .		
26	Ẻ i u 26. X lý vi ph m T ch c, cá nhân vi ph m quy Ẻ nh t i Quy ch này, t ọm theo t ọnh ch t và m c Ẻ vi ph m, s b x lý k lu t, x ph t vi ph m hành chính, ho c b truy c u trách nhi m hình s theo quy Ẻ nh c a pháp lu t.	Ẻ xu t b	Khi các t ch c, cá nhân vi ph m s b x lý theo các quy Ẻ nh Ẻ n hành.
27	Ẻ i u 27. T ch c th c Ẻ i n 2. Trách nhi m c a các Ẻ n v thu c Ngân hàng Nhà n c: a. V Các Ngân hàng và Ngân hàng Nhà n c Chi nhánh t nh, thành ph : - T i p nh n h s xin phép ho t Ẻ ng bao thanh toán c a các t ch c t ọnh theo Ẻ ằng trình t và th t c Ẻ c quy Ẻ nh t i Ch ọng II m c 1 c a Quy ch này. - Ph i h p v i các V có liên quan thu c Ngân hàng Nhà n c xem xét trình Th ọng Ẻ c quy t Ẻ nh v i c cho phép T ch c t ọnh Ẻ c th c Ẻ i n nghi p v bao thanh	Ẻ i u 21. Trách nhi m c a các Ẻ n v thu c Ngân hàng Nhà n c 1. C ọ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhi m ch trì, ph i h p v i các Ẻ n v có liên quan th c Ẻ i n ki m tra, thanh tra, giám sát, x lý vi ph m theo quy Ẻ nh c a pháp lu t Ẻ i v i ho t Ẻ ng bao thanh toán c a t ch c t ọnh, chi nhánh ngân hàng n c ngoài. 2. Ngân hàng Nhà n c chi nhánh t nh, thành ph tr c thu c Trung ọng n i không có C c Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhi m ki m tra, thanh tra, giám sát, x lý vi ph m theo quy Ẻ nh c a pháp lu t Ẻ i v i ho t Ẻ ng bao thanh toán	S a Ẻ i Ẻ phù h p v i c c u t ch c Ẻ i n hành c a NHNN.

B N G I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O THÔNG T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CS TT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
	toán. b. Thanh tra Ngân hàng Nhà n c: - Ph i h p và cung c p cho V Các Ngân hàng v tình hình ho t E ng c a các t ch c tín d ng E trình Th ng E c Ngân hàng Nhà n c xem xét quy t E nh cho phép T ch c tín d ng th c hi n nghi p v bao thanh toán. - T ch c thanh tra, giám sát vi c th c hi n nghi p v bao thanh toán; X lý theo th m quy n và ki n ngh Th ng E c Ngân hàng Nhà n c x lý các tr ng h p vi ph m các quy E nh t i Quy ch này. c. V Chính sách ti n t : - H ng d n các quy E nh v gia h n thanh toán và chuy n n quá h n trong bao thanh toán c a T ch c tín d ng. - Quy E nh ch E báo cáo E nh k m v ho t E ng bao thanh toán cho các E n v có th m th m quy n thu c Ngân hàng Nhà n c. d. V K toán - Tài chính: h ng d n h ch toán k toán nghi p v bao thanh toán c a các t ch c tín d ng. e. V Tín d ng: h ng d n các E n v bao thanh toán th c hi n E ng bao thanh toán.	c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.	
28	ñ i u 27. T ch c th c hi n 1. Trách nhi m c a E n v bao thanh toán: CNñ c vào Quy ch này và các qui E nh c a vñ b n pháp lu t có liên quan, E n v bao thanh toán ban hành các vñ b n h ng d n nghi p v bao thanh toán c th phù h p v i Li u ki n, E c Li m và ñ i u l c a mình.	ñ xuât b	Lý do: ñ ã nêu t i D th o Thông t (ñ i u 5 Quy E nh n i b v ho t E ng bao thanh toán).

B N G I T R Ì N H N H N G T H A Y Ñ I T R O N G D T H O T H O N G T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CSTT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
29		ñ i u 22. ñ i u kho n chuy n ti p 1. ñ i v i các h p E ng bao thanh toán E c ký k t tr c ngày Thông t này có hi u l c thi hành và phù h p v i quy E nh c a pháp lu t t i th i Li m ký k t, E n v bao thanh toán và khách hàng E c ti p t c th c hi n theo các th a thu n Lã ký k t cho E nh t th i h n h p E ng. 2. Vi c s a E i, b sung, gia h n h p E ng quy E nh t i kho n 1 ñ i u này ch E c th c hi n n u n i dung s a E i, b sung, gia h n phù h p v i các quy E nh c a Thông t này và các quy E nh c a pháp lu t có liên quan.	B sung E L m b o quá trình chuy n ti p t quy E nh c a sang quy E nh m i không gây xáo tr n E n ho t E ng bao thanh toán c a các TCTD, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.
30		ñ i u 23. Hi u l c thi hành 1. Thông t này có hi u l c thi hành k t ngày ... tháng ... nñ n ... 2. Các vñ b n, quy E nh sau Lây h t hi u l c thi hành: a) Quy t E nh s 1096/2004/Qñ -NHNN ngày 06/9/2004 c a Th ng E c Ngân hàng Nhà n c ban hành quy ch ho t E ng bao thanh toán c a t ch c tín d ng; b) Quy t E nh s 30/2008/Qñ -NHNN ngày 16/10/2008 c a Th ng E c Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam s a E i, b sung m t s Li u c a quy ch ho t E ng bao thanh toán c a t ch c tín d ng ban hành theo Quy t E nh s 1096/2004/Qñ -NHNN ngày 06/9/2004 c a Th ng E c Ngân hàng Nhà n c; c) ñ i u 8 Thông t s 24/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 v i c th c thi ph ng án E n gi n hóa th t c hành chính lñ h v c thành l p và ho t E ng ngân hàng theo các Ngh quy t c a Chính ph v E n gi n hóa th t c hành chính thu c ph m vi ch c nñ g qu n lý c a Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam; d) Công vñ s 676/NHNN-CSTT ngày 28/6/2005 v i c c c u l i th i h n tr n , chuy n n quá h n E i v i ho t E ng bao thanh toán c a t ch c tín d ng; e) Vñ b n s 991/NHNN-TTGSNH ngày 19/02/2013 h ng d n các t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài th c hi n ho t E ng bao thanh toán quy E nh t i Quy ch ho t E ng bao thanh toán ban hành kèm theo Quy t E nh s	B sung E L m b o phù h p v i quy E nh v th th c ban hành vñ b n quy ph m pháp lu t hi n hành.

B N G I I TRÌNH NH NG THAY Ñ I TRONG D TH O THÔNG T			
STT	Quy E nh hi n hành (Quy t E nh 1096/2004/Qñ - NHNN, Qñ 30/2008/Qñ -NHNN, Thông t 24/2011/TT-NHNN, Thông t s 14/2016/TT-NHNN và Công vñ s 676/NHNN-CS TT)	ñ xu t s a, b sung	Lý do
		1096/2004/Qñ -NHNN ngày 06/9/2004 c a Th ng L c Ngân hàng Nhà n c; e) ñ i u 2 và kho n 2 ñ i u 3 Thông t s 14/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 v vi c s a L i, b sung m t s Li u c a Quy t E nh s 1096/2004/Qñ -NHNN ngày 06 tháng 9 nñm 2004 ban hành quy ch ho t L ng bao thanh toán c a các t ch c tín d ng, Quy t E nh s 30/2008/Qñ -NHNN ngày 16 tháng 10 nñm 2008 v vi c s a L i, b sung m t s Li u c a Quy ch ho t L ng bao thanh toán c a các t ch c tín d ng ban hành theo Quy t E nh s 1096/2004/Qñ -NHNN và Thông t s 30/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 11 nñm 2014 quy E nh v y thác và nh n y thác c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.	
31		ñ i u 24. T ch c th c hi n Chánh Vñ phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Th tr ng các L n v thu c Ngân hàng Nhà n c, Giám L c Ngân hàng Nhà n c chi nhánh t nh, thành ph tr c thu c Trung ng, Ch t ch H i L ng Qu n tr , Ch t ch H i L ng thành viên và T ng Giám L c (Giám L c) t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài ch u trách nhi m t ch c thi hành Thông t này./.	B sung L E m b o phù h p v i quy E nh t i các Thông t hi n hành c a NHNN.
32	ñ i u 28. S a L i, b sung Quy ch Vi c s a L i, b sung Quy ch này do Th ng L c Ngân hàng Nhà n c quy t E nh./.	ñ xu t b	Quy E nh này không c n thi t.